

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/HS-PT
Ngày 15 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hoài Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải
Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2026/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2026/QĐXXPT-HS ngày 03/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Xuân K, sinh ngày 15/9/1989 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Hồ Xuân H**, sinh năm 1952 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1964; vợ **Hồ Thị Y** sinh năm 1993 (Đã ly hôn năm 2023); con: chưa có.

Tiền án (có 01 tiền án): Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Chấp hành xong ngày 27/5/2025).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Đ thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q**; có mặt.

2. Hồ Văn T1, sinh ngày 20/10/1984 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Pa Cô; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; con ông **Trần Đình L** (Đã chết) và bà **Nguyễn Thị Tuyết T2**, sinh năm 1954; có vợ đã ly hôn năm 2017; có 01

con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh Q; có mặt.

3. K Rô Ni, sinh ngày 15/3/1998 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Pa Cô; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hồ Văn P (Đã chết) và bà Hồ Thị L1, sinh năm 1950; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Đ thuộc Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh Q; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân K: Bà Lê Thị Thùy L2, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T1: Ông Nguyễn Lương C, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo K Rô N: Bà Nguyễn Thị Thủy T3, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 13/9/2025, Phạm Xuân K đi từ nhà của mình tại thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị theo đường H đi hướng L, tỉnh Quảng Trị. Khi đến K đường H xã T thì gặp một thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) mua viên ma túy với giá 500.000 đồng. Sau đó, K mang số ma túy nói trên đi đến nhà Hồ Văn T1 ở thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị chơi. Tại đây, K gặp Hồ Văn T1, K Rô N, Nguyễn Văn H1 và Hồ Văn L3 (sinh năm 2008, con trai Trỗi). Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên K lấy 04 viên ma túy để xuống nền phòng ngủ, thấy vậy T1 bảo H1 đi lấy ống tre và chai nhựa Trỗi cất trong balô và trên nóc tủ; H1 lấy ống tre gắn vào chai nhựa tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy rồi đặt xuống giữa nền phòng ngủ, K Rô N lấy một mảnh giấy bạc từ gói thuốc lá làm dụng cụ (“xèng”) để sử dụng ma túy. K lấy 04 viên ma túy bỏ lên hai “xèng” mỗi “xèng” 02 viên và sử dụng. Sau khi sử dụng xong, K để “xèng” còn ma túy, dụng cụ xuống thì có Hồ Văn M (trú tại thôn A Trên, xã L, tỉnh Quảng Trị) đi vào cầm dụng cụ và ma túy lên sử dụng, lần lượt đến Trỗi, N, H1 và L3 cùng sử dụng hết 04 viên ma túy nói trên. Sau khi sử dụng xong, T1 cắt bật lửa ở sát bên tường, vo các “xèng” thành cục rồi vứt vào hộp nhựa đựng tàn thuốc trước cửa phòng, cất chai nhựa vào ba lô áo quần. M đi về, còn K, T1, H1,

N và L3 đang ngồi trong phòng ngủ của T1 thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại vị trí trên bề mặt nệm một túi zip màu tím, trên bề mặt túi có dính băng keo màu đen, bên trong có chứa 19 viên ma túy do K ném xuống.

Quá trình điều tra Hồ Văn T1, K Rô N và Nguyễn Văn H1 còn khai nhận: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 12/9/2025, K Rô N nhận được tin nhắn của Hồ Văn T1 qua ứng dụng Messenger nhờ mua giúp ma túy để sử dụng nên đi đến thôn T, xã T gặp và hỏi mua từ một thanh niên (không rõ lai lịch) 06 viên ma túy với giá 100.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, K1 đưa số ma túy nói trên đến nhà T1. Tại đây, có H1 đang ngồi chơi, N bỏ 06 viên ma túy mua được xuống nền phòng ngủ của T1, lấy giấy kèm từ gói thuốc lá nhãn hiệu Saigon có sẵn tại phòng ngủ làm một “xèng” để sử dụng ma túy. T1 nói với H1 “có đồ rồi lấy ổng ra chơi”, nghĩa là nói H1 lấy dụng cụ sử dụng ma túy. H1 lấy 01 vỏ chai nhựa và 01 ống tre, gắn ống tre lên thân chai nhựa rồi đổ nước vào trong chai, tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy rồi lấy 03 viên ma túy đặt lên “xèng” sử dụng, tiếp đến N lấy sử dụng. Trong lúc N đang sử dụng thì L3 (sinh ngày 29/3/2008, con trai của T1) đi vào, ngồi bên phải T1. N sử dụng xong, lần lượt đến T1, L3 sử dụng ma túy với cách thức tương tự hết 06 viên ma túy nói trên. Sau khi sử dụng xong, T1 rút ống tre gắn ở thân chai nhựa cất lên nóc tủ; chai nhựa cho vào trong ba lô để sát góc tường bên cạnh tủ quần áo.

Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu xác định: Nguyễn Văn H1, Hồ Văn L3, Hồ Văn T1 dương tính với nhóm ma túy Methamphetamine; Phạm Xuân K, K Rô Ni dương tính với nhóm ma túy Methamphetamine, AMP, OPI.

Tại Kết luận giám định số 1243/KL-KTHS, ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận: “Mẫu 19 (mười chín) viên nén màu hồng, được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu “MTK” gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là 1,89gam”.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Vật chứng vụ án:

- 01 túi niêm phong, ký hiệu: MT1243/PC04, bên trong có: 1,84g ma túy, loại methamphetamine; 02 mảnh giấy bạc vo thành cục không rõ hình dạng, kích thước, 01 chai nhựa trong suốt cao 21 cm, trên thân chai có 01 lỗ, trên lỗ có gắn 01 ống tre. (Theo kết luận giám định số 1243/KL-KTHS ngày 19/9/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q); 01 túi niêm phong, ký hiệu: KL1244, bên trong có: 01 túi zip màu tím kích thước (06 x 8,5) cm, trên bề mặt túi có dính băng keo màu đen; 01 bật lửa ga màu đỏ, trên bề mặt có chữ "555"; 01 (một) mảnh giấy bạc kích thước (4 x 7) cm; 01 mảnh giấy bạc kích thước (9,5 x 7) cm. (Theo kết luận giám định số 1244/KL-KTHS

ngày 30/9/2025 của **Phòng K2 Công an tỉnh Q**).

- 01 máy tính bảng màu xám, màn hình đã bị vỡ, tên thiết bị Galaxy Tab 7 số sê ri R9ZRC07VNAH, IMEI 356583701837598, bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0345712995, trên thẻ sim có dãy số 89840 48000 92511 5314 của bị cáo **Hồ Văn T1**; 01 Điện thoại di động loại cảm ứng màu xanh, kiểu máy: Vivo 1906, IMEI 1: 863110047923076, IMEI 2: 863110047923068, bên trong có gắn 01 thẻ sim, trên thẻ sim có dãy số 8984 04800 00326 34094, đã qua sử dụng của bị cáo **K Rô N** (Theo kết luận giám định số 1338/KL-KTHS ngày 07/10/2025 của **Phòng K2 Công an tỉnh Q**).

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau có nhiều vết nứt vỡ và hình “quả táo khuyết” (Theo kết luận giám định số 1338/KL-KTHS ngày 07/10/2025 của **Phòng K2 Công an tỉnh Q**).

Vật chứng do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Quảng Trị quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2026/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Xuân K** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Các bị cáo **Hồ Văn T1**, **K Rô N**, **Nguyễn Văn H1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Xuân K** 04 (B) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Xuân K** 10 (Mười) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo **Phạm Xuân K** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (Mười bốn) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2025.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Hồ Văn T1** 09 (Chín) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2025.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **K Rô N** 08 (T) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14/9/2025.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 08 (**T4**) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2025.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2026 và ngày 06/4/2026, các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N** làm đơn kháng cáo, kháng cáo Bản án sơ thẩm số 40/2026/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1** không cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới; bị cáo **K Rô N** cung cấp thêm bằng khen của ông **Hồ Văn X** và giấy khen của bà **Căn S1**, bằng gia đình về vang của ông **Côn S2** và bà **Căn S1** nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không căn cứ để áp dụng cho bị cáo. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1** và **K Rô N** nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Vì các lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1** và **K Rô N**. Giữ nguyên mức hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2026/HSST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị đối với các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1** và **K Rô N**.

Người bào chữa cho các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1** và **K Rô N** cho rằng các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N** phù hợp với các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, về chủ thể và

thời hạn kháng cáo; nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, nội dung vụ án: Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 13/9/2025, các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N** và **Nguyễn Văn H1** đã có hành vi chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; các bị cáo cùng nhau tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có **Hồ Văn L3** là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi. Ngoài ra, ngày 12/9/2025, tại nhà của bị cáo **Hồ Văn T1**, bị cáo đã khởi xướng việc sử dụng trái phép chất ma túy, đưa tiền cho bị cáo **K Rô N** đi mua ma túy; bị cáo **K Rô N** trực tiếp mua ma túy mang về; bị cáo **Nguyễn Văn H1** chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; sau đó các bị cáo cùng sử dụng và tạo điều kiện cho **Hồ Văn L3** (sinh năm 2008) sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy, các bị cáo không chỉ đơn thuần là những người cùng sử dụng trái phép chất ma túy mà còn có hành vi chuẩn bị ma túy, chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ sử dụng ma túy và tạo điều kiện cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Phạm Xuân K** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, ngày 13/9/2025, bị cáo **Phạm Xuân K** còn có hành vi tàng trữ 19 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,89 gam nhằm mục đích sử dụng, đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo **Hồ Văn T1**, **K Rô N** và **Nguyễn Văn H1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Phạm Xuân K** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N**, thấy rằng:

Các bị cáo cho rằng là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có thân nhân được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử thấy rằng các tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú (đối với bị cáo **Hồ Văn T1**, **K Rô N** được áp dụng); hoàn cảnh gia đình và các tình tiết khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ khi quyết định hình phạt. Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Mặt khác, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần, đối với nhiều người và có người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi tham gia sử dụng trái phép chất ma túy. Riêng bị cáo **Phạm Xuân K** còn có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội phạm ma túy, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội.

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với từng bị cáo đều tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Tại phiên toà, gia đình bị cáo **K Rô N** xuất trình cho Hội đồng xét xử bằng khen của ông **Hồ Văn X**, giấy khen của **Căn S1**, bằng gia đình về vang của ông **Côn S2** và bà **Căn S1** nhưng không chứng minh đây là bố mẹ bị cáo. Mặt khác, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo nên các tình tiết này không được xem xét.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N**.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N** là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo **Phạm Xuân K**, **Hồ Văn T1**, **K Rô N** không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; **điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14** ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Xuân K, Hồ Văn T1, K Rô N** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Xuân K** 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Xuân K** 10 (Mười) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo **Phạm Xuân K** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (Mười bốn) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2025.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Hồ Văn T1** 09 (Chín) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2025.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **K Rô N** 08 (T) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14/9/2025.

2. Các bị cáo **Phạm Xuân K, Hồ Văn T1, K Rô N** được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (15 tháng 6 năm 2026).

- Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng PV06-Công an Quảng Trị;
- TAND KV7 - Quảng Trị;
- VKSND KV7 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Hoài Thủy**